

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2021/HS-ST**
Ngày: 08/01/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Văn Lầy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Tấn Thành – GD Kho bạc nhà nước huyện H

2. Bà Nguyễn Thị Bích Lam – Giáo viên hưu trí

- Thư ký phiên tòa: ông Văn Hồng Lễ - Thư ký tòa án huyện Ph

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Trần Hải Điền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 129/2020/HSST, ngày 01/11/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2020/QĐHPT ngày 18/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện P, đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Bùi Lê Sơn T, Giới tính: Nam, Sinh năm: 1997; Nơi sinh: tỉnh Bình Thuận; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: thôn L, xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Thuận; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không, Trình độ học vấn: 10/12, Nghề nghiệp: Làm thuê; Cha: Bùi Văn S và Mẹ: Lê Thị Thanh S hiện ở thôn L, xã Ph, tỉnh Bình Thuận; Anh, chị, em ruột: có 03 người. Lớn nhất (sinh năm: 1986), nhỏ nhất (sinh năm: 1992); Vợ, con: Chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 26/9/2020 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện P xử phạt 09 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản” theo bản án số 98/2020/HSST; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 07/7/2020 trong vụ án khác, hiện đang giam tại Trại giam Thủ Đức; Có mặt;

2. Họ và tên: Lê Thanh T1 (tên gọi khác: Ta), Giới tính: Nam, Sinh năm: 1998; Nơi sinh: tỉnh Bình Thuận; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: thôn Th, xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Thuận; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không, Trình độ học vấn: 9/12, Nghề nghiệp: Không; Cha: Lê Hồng Q và Mẹ: Nguyễn Thị Thanh D; hiện ở thôn Th, xã Ph, tỉnh Bình Thuận; Anh, chị, em ruột: có 05 người. Lớn nhất (sinh năm: 1996), nhỏ nhất (sinh năm: 2015); Vợ, con: Chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 27/9/2018 bị cáo bị Công an huyện B áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chấp hành xong ngày

26/12/2019; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/7/2020 hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện P. Có mặt

- Người bị hại: Huỳnh Thị L, sinh năm 1954; Địa chỉ: khu phố 5, thị trấn H, huyện P, tỉnh Bình Thuận; Vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Vũ Bích T2, sinh năm 1992; Địa chỉ: thôn 2, xã C, huyện P, Bình Thuận; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 06/7/2020 do không có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng nên Bùi Lê Sơn T điện thoại cho Lê Thanh T1, T rủ T1 điều khiển xe mô tô chạy lòng vòng tìm người sơ hở để cướp giật tài sản, T1 đồng ý. T1 điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 86B2-562.99 chở T đi vòng quanh khu vực thị trấn P mục đích để cướp giật tài sản nhưng không có ai nên điều khiển xe chạy ra thị trấn H, đến khoảng 17 giờ cùng ngày T1 điều khiển xe mô tô đi đến đoạn đường Nguyễn Đình Chiểu, thuộc khu phố 5, thị trấn H, huyện P thì T và T1 nhìn thấy Huỳnh Thị Lập đang điều khiển xe đạp chạy ngược chiều trên cỏ có đeo dây chuyền vàng, T1 điều khiển quay xe đi ngược lại chạy cùng chiều với xe của Lập, T1 điều khiển xe mô tô chạy phía sau L đến số nhà 62 cùng đường Nguyễn Đình Chiểu, thì T1 điều khiển xe mô tô áp sát vào bên trái xe của L đang chạy, T ngồi phía sau dùng tay phải giật mạnh lấy sợi dây chuyền vàng của L liền nhanh chóng điều khiển xe theo hướng đường Võ Thị Sáu rẽ ra Quốc lộ 1A chạy hướng về thị trấn P, T ngồi phía sau lấy mặt dây chuyền vàng loại 18K cất giấu trong túi quần. Sau đó, T1 và T đi đến tiệm vàng Đức Thạnh thuộc thôn H, xã C, huyện P bán sợi dây chuyền vừa cướp giật được cho Nguyễn Vũ Bích T2 là chủ tiệm vàng Đức Thạnh, T2 không biết tài sản do T1 và T cướp giật mà có nên đồng ý mua với giá 4.591.000đ, T1 và T cùng mua 05 tép Heroin với giá 500.000đ để sử dụng chung và tiêu xài cá nhân, còn lại 3.400.000đ, T1 và T chia nhau mỗi người 1.700.000đ. Đến 19 giờ 25 phút cùng ngày T2 tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện P01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng dài 50,5 cm trọng lượng 1,7 chỉ. Đến ngày 07/7/2020 Lê Hồng Q (cha ruột của T1) và Lê Thị Thanh Sen (mẹ ruột của T) tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện P 01 mặt dây chuyền vàng loại vàng 18K có kích thước 1,5 cm x 1,2 cm và 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 86B2-562.99.

- Tại biên bản và kết luận định giá tài sản số 77/KL-HĐĐG ngày 01.9.2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P kết luận:

+ 01 sợi dây chuyền vàng 18K nặng 1,7 chỉ giá: 2.832.000 đồng/chỉ x 1,7 chỉ = 4.814.400 đồng;

+ 01 mặt dây chuyền vàng 18K nặng 0,66 chỉ trị giá: 2.832.000 đồng/chỉ x 0,66 chỉ= 1.869.120 đồng.

Tổng giá trị tài sản định giá: 6.683.520 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ph: Vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố theo Cáo trạng số 133/CT-VKS-TP ngày 02/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P .

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Bùi Lê Sơn T và bị cáo Lê Thanh T1 phạm tội: “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Bùi Lê Sơn T mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Tổng hợp hình phạt tại bản án số 98/2020/HSST ngày 26/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện P, buộc bị cáo phải chấp hành 02 bản án với mức án từ 04 năm 03 tháng đến 04 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt.

Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Lê Thanh T1 mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt.

Về tang vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại 01 sợi dây chuyền vàng 18K nặng 1,7 chỉ và 01 mặt dây chuyền 18K nặng 0,66 chỉ cho Huỳnh Thị L và cho Lê Thanh Th (anh ruột của T1) chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 86B2-562.99 nên không xem xét nữa.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Huỳnh Thị L đã nhận tài sản không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét. Bị cáo T1 và T cùng với gia đình tự nguyện bồi thường 4.591.000đ cho Nguyễn Vũ Bích T2 đã mua nhầm tài sản do phạm tội mà có, T2 không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Các bị cáo không trình bày lời bào chữa và đồng ý quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong.

Các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo vì bị cáo đã nhận thức được lỗi lầm của bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện P: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[2] Về chứng cứ buộc tội các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo T và T1 đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng số 133/CT-VKS-TP, ngày 02/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã truy tố. Các bị cáo khẳng định những lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra là hoàn toàn tự nguyện, đúng sự thật, các bị cáo không bị bức cung và cáo trạng truy tố là đúng, không oan cho các bị cáo. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người làm chứng cũng như các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Đây là vụ án “Cướp giật tài sản” do 02 bị cáo T và T1 thực hiện. Do không có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng nên vào khoảng 13 giờ ngày 06/7/2020 bị cáo Bùi Lê Sơn T rủ bị cáo Lê Thanh T1 điều khiển xe mô tô chạy lòng vòng tìm người để tài sản sơ hở để cướp giật. Khi đó bị cáo T1 dùng xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 86B2-562.99 của anh ruột điều khiển chở bị cáo T đi vòng quanh khu vực thị trấn P mục đích để cướp giật tài sản nhưng không có ai nên điều khiển xe chạy ra thị trấn H, đến khoảng 17 giờ cùng ngày bị cáo T1 điều khiển xe mô tô đi đến đoạn đường Nguyễn Đình Chiểu, thuộc khu phố 5, thị trấn H, huyện P thì cả hai nhìn thấy Huỳnh Thị L đang điều khiển xe đạp chạy ngược chiều trên cổ có đeo dây chuyền vàng, bị cáo T1 điều khiển quay xe đi ngược lại chạy cùng chiều với xe của L, bị cáo T1 điều khiển xe mô tô chạy phía sau L đến số nhà 62 đường Nguyễn Đình Chiểu, thì bị cáo T1 điều khiển xe mô tô áp sát vào bên trái xe của L đang chạy, bị cáo T ngồi phía sau dùng tay phải giật mạnh lấy sợi dây chuyền vàng của L liền nhanh chóng điều khiển xe chạy theo hướng đường Võ Thị Sáu rẽ ra Quốc lộ 1A chạy hướng về thị trấn P. Bị cáo T ngồi phía sau lấy mặt dây chuyền vàng loại 18K cất giấu trong túi quần rồi đi đến tiệm vàng Đức Thanh bán sợi dây chuyền cho Nguyễn Vũ Bích T2 là chủ tiệm vàng Đức Thanh, T2 không biết tài sản do các bị cáo cướp giật mà có nên đồng ý mua với giá 4.591.000đ, các bị cáo cùng mua 05 tép Heroin với giá 500.000đ để sử dụng chung và tiêu xài cho cá nhân tổng cộng 1.191.000đ, số tiền còn lại 3.400.000đ, bị cáo chia nhau mỗi người 1.700.000đ. Sau khi bị bắt các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi các bị cáo gây ra.

Vụ án có đồng phạm nhưng đồng phạm giản đơn, bị cáo T và bị cáo T1 đều cùng thống nhất ý chí dùng chiếc xe mô tô đi cướp giật, đây là nguồn nguy hiểm cao độ nên đủ yếu tố cấu thành tội cướp giật tài sản có tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là dùng thủ đoạn nguy hiểm, đồng thời các bị cáo phải chịu xử lý trách nhiệm hình sự chung đối với toàn bộ hành vi và hậu quả xảy ra.

Vì vậy, Cáo trạng số 133/CT-VKS-TP ngày 02/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyệnPtruy tố 02 bị cáo T1 và T phạm vào tội: “Cướp giật tài sản” quy định điểm d tại khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Các bị cáo là công dân có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo nhận biết được hành vi cướp giật tài sản của người khác là hành động rất nguy hiểm bị nghiêm cấm, vì bản tính tham lam, lười lao động muốn có tiền tiêu xài cho cá nhân nên cả hai bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác của người khác để nhằm chiếm đoạt tài sản bán để lấy tiền tiêu xài và sử dụng cho mục đích khác của cá nhân. Hành vi phạm tội nêu trên của các bị cáo rất táo bạo, các bị cáo dùng chiếc xe mô tô thực hiện hành vi phạm tội, đây là nguồn nguy hiểm cao độ, có thể gây nguy hại đến sức khỏe, tính mạng của người khác và gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần xử lý các bị cáo thật nghiêm minh, nhằm răn đe, giáo dục phòng ngừa tội phạm chung, vì vậy cần phải tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội.

Tuy nhiên trong vụ án này bị cáo T là người rủ rê nên xử lý bị cáo nghiêm khắc hơn so với bị cáo T1 tham gia với vai trò giúp sức.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người mua nhầm tài sản, đây những là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên cũng xem xét giảm nhẹ cho bị cáo 01 phần hình phạt để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[5] Về ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện P:

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên ghi nhận để xem xét.

[6] Về tang, vật chứng của vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại 01 sợi dây chuyền vàng 18K nặng 1,7 chỉ và 01 mặt dây chuyền 18K nặng 0,66 chỉ cho Huỳnh Thị L và cho Lê Thanh Th (anh ruột của T1) chiếc xe mô tô hiệu Yamaha

Exciter biển số 86B2-562.99 nên không xem xét nữa.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Huỳnh Thị L đã nhận tài sản không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét. Bị cáo T1 và T cùng với gia đình tự nguyện bồi thường 4.591.000đ cho Nguyễn Vũ Bích T2 đã mua nhằm tài sản do phạm tội mà có, T2 không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Đối với Nguyễn Vũ Bích T2 là người mua tài sản do bị cáo T và T1 cướp giật vào ngày 06/7/2020, T2 không biết tài sản trên do bị cáo T và T1 cướp giật mà có nên xử lý là phù hợp.

Riêng đối với người tên L1 ở khu vực Bia Cắm thù thị trấn P đã bán Heroin cho bị cáo T và T1, do chưa rõ nhân thân lai lịch nên sẽ tiếp tục xác minh làm rõ, để xử lý sau.

[7] Về án phí: Các bị cáo T và T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Bị cáo **Bùi Lê Sơn T** và bị cáo **Lê Thanh T1** phạm tội: “Cướp giật tài sản”

Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 56; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Bùi Lê Sơn T 03** (ba) năm **06** (sáu) tháng tù. Tổng hợp hành phạt tại bản án số 98/2020/HSST ngày 26/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện P **09** (chín) tháng tù về tội trộm cắp tài sản, buộc bị cáo T phải chấp hành **04** (bốn) năm **03** (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (ngày 07/7/2020)

Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Lê Thanh T1 03** (ba) năm tù, thời hạn tù tính ngày bị bắt (ngày 07/7/2020)

[2] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo T và T1 mỗi người phải nộp **200.000** đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo: Ân xử công khai có mặt các bị cáo, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện P;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Công an huyện P;
- Bị cáo,
- Người bị hại; người liên quan;
- Chi cục THADS huyện Pg;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Văn Lầy